



BAKER TILLY  
A&C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

NĂM 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
GIẤY VIỆT TRÌ**



BAKER TILLY  
INTERNATIONAL

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Giấy Việt Trì, theo Quyết định số 1700/QĐ - BCN ngày 16 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000719 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 23 tháng 9 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 3 năm 2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	13.630.000.000	29,00 %
Nguyễn Thanh Sơn	9.554.770.000	20,33 %
Công ty TNHH Tân Phú Cường	1.745.520.000	3,71 %
Nguyễn Nam Khánh	872.760.000	1,86 %
Nguyễn Thị Bích Ngọc	872.760.000	1,86 %
Nguyễn Duy Hưng	872.760.000	1,86 %
Ngô Thị Thu Hương	532.190.000	1,13 %
Nguyễn Văn Hiện	460.380.000	0,98 %
Nguyễn Hồng Hà	443.100.000	0,94 %
Khổng Minh Trí	296.830.000	0,63 %
Các cổ đông khác	17.718.930.000	37,70 %
<b>Cộng</b>	<b>47.000.000.000</b>	<b>100,00 %</b>

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ  
 Điện thoại : (0210) 3 862 761  
 Fax : (0210) 3 862 754  
 Mã số thuế : 2 6 0 0 1 0 7 2 8 4

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Kinh doanh các sản phẩm bột giấy và giấy;
- Kinh doanh và chế biến lâm sản;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu bột giấy, giấy, vật tư và hóa chất, thiết bị phục vụ ngành giấy;
- Sản xuất hộp, đóng gói sản phẩm;
- Kinh doanh vận tải;
- In và các dịch vụ liên quan đến in.

### Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số lượng Cổ phần đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì là 830.000 cổ phần với giá bán là 10.000 đồng /cổ phiếu cho ông Nguyễn Thanh Sơn theo công văn số 15/CV-HĐQT ngày 09 tháng 09 năm 2010 của Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn và Nghị quyết số 232/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 09 năm 2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì. Theo đó Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn chính thức thôi là Cổ đông chiến lược của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì.

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 32).

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hiện	Chủ tịch	05 tháng 9 năm 2008	
Ông Khổng Minh Trí	Ủy viên	01 tháng 10 năm 2008	
Ông Trần Anh Tiến	Ủy viên	01 tháng 10 năm 2008	03 tháng 03 năm 2010
Ông Nguyễn Hồng Hà	Ủy viên	01 tháng 10 năm 2008	
Bà Ngô Thị Thu Hương	Ủy viên	01 tháng 10 năm 2008	

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Quốc Hải	Trưởng Ban	01 tháng 10 năm 2008	
Bà Đỗ Thị Chiến	Thành viên	01 tháng 10 năm 2008	
Bà Lê Thị Minh Loan	Thành viên	01 tháng 10 năm 2008	

**Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hiện	Tổng Giám Đốc	05 tháng 9 năm 2008	
Ông Khổng Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2008	
Ông Nguyễn Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2008	

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**Xác nhận của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**  
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Văn Hiện**

Ngày 25 tháng 3 năm 2011

213  
H  
Y  
K  
Y  
T  
U  
Đ  
I  
P.S



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 124/2011/BCTC-KTTV-KT1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, CÁC CÒ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2011, từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Handwritten signature in red ink*

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính vấn đề sau:

Khoản nợ gốc và lãi dài hạn phải trả Bộ Tài chính do Bộ Tài chính bảo lãnh khoản nợ nước ngoài về mua máy móc thiết bị Dây chuyền sản xuất bao gói 25.000 tấn/năm đang được quy đổi từ đồng đô la Mỹ (USD) thành đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá tại thời điểm nhận nợ (31/12/2004) là 15.717 VND/USD (xem thêm các thuyết minh IV.13 và V.13, 18, 20, 21).

**Giám đốc**



**Nguyễn Hoàng Đức**

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

**Kiểm toán viên**

**Hồ Xuân Hà**

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1603/KTV

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ**

Địa chỉ: Phường Bến Gỗ, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>301.373.453.815</b>	<b>258.974.087.389</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>6.366.556.331</b>	<b>3.118.683.699</b>
1. Tiền	111		6.366.556.331	3.118.683.699
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>40.629.600.550</b>	<b>99.674.953.014</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	38.749.116.889	72.468.996.304
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.657.025.562	27.065.690.543
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	223.458.099	275.873.267
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	-	(135.607.100)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>250.009.657.537</b>	<b>154.936.480.496</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	250.009.657.537	154.936.480.496
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.367.639.397</b>	<b>1.243.970.180</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	115.000.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.220.626.534	6.901.837
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	897.940.080
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	147.012.863	224.128.263

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ**

Địa chỉ: Phường Bến Gót, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>381.409.891.389</b>	<b>380.817.141.319</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>339.922.544.823</b>	<b>334.635.476.308</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	339.188.151.804	328.197.092.072
<i>Nguyên giá</i>	222		598.866.752.524	556.002.663.423
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(239.678.600.720)	(227.805.571.351)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	734.393.019	972.160.263
<i>Nguyên giá</i>	225		1.426.603.484	1.426.603.484
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(692.210.465)	(454.443.221)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	-	5.466.223.973
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>41.487.346.566</b>	<b>46.181.665.011</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	41.423.346.566	46.117.665.011
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	64.000.000	64.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>682.783.345.204</b>	<b>639.791.228.708</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Địa chỉ: Phường Bến gót, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>627.573.811.627</b>	<b>588.635.207.371</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>347.493.484.408</b>	<b>249.162.420.370</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	180.457.414.108	109.062.559.350
2. Phải trả người bán	312	V.14	130.153.089.727	118.784.104.914
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	5.916.126.964	357.366.089
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.079.922.626	590.542.496
5. Phải trả người lao động	315		9.728.813.303	9.851.738.738
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1.268.067.090	592.209.936
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	18.876.487.008	9.795.535.265
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	13.563.582	128.363.582
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>280.080.327.219</b>	<b>339.472.787.001</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.20	36.820.752.506	41.423.346.568
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	242.514.863.749	297.741.722.171
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.22	744.710.964	307.718.262
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>55.209.533.577</b>	<b>51.156.021.337</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.23</b>	<b>55.209.533.577</b>	<b>51.156.021.337</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		47.000.000.000	47.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(675.402.524)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		131.423.861	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.078.109.716	4.831.423.861
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>682.783.345.204</b>	<b>639.791.228.708</b>

2031  
 HINH  
 CÔNG  
 NHẬP  
 TOÁN  
 T.  
 HẢ  
 2024

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Bến Gót, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		-	4.057,73
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Lê Thị Minh Loan

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hương

Lập ngày 25 tháng 3 năm 2011

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hiện

SỐ  
QUẢN  
LÝ  
TÀI  
CHÍNH  
VIỆT  
TRÌ  
2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Địa chỉ: Phường bốn góc, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

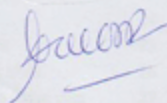
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	724.015.813.499	577.935.386.405
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.219.120.272	6.363.384.518
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		722.796.693.227	571.572.001.887
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	656.249.334.414	528.991.860.442
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.547.358.813	42.580.141.445
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	141.581.347	114.644.165
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	38.249.821.959	22.400.300.400
Trong đó: chi phí lãi vay	23		37.097.546.341	22.222.571.209
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	10.358.432.436	8.629.636.465
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	7.926.599.483	8.650.400.614
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.154.086.282	3.014.448.131
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.191.111.826	3.608.871.903
12. Chi phí khác	32	VI.8	402.563.464	129.931.257
13. Lợi nhuận khác	40		788.548.362	3.478.940.646
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.942.634.644	6.493.388.777
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.864.524.928	1.636.097.194
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>8.078.109.716</u>	<u>4.857.291.583</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>1.719</u>	<u>1.033</u>

Người lập biểu



Lê Thị Minh Loan

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thu Hương

Lập ngày 25 tháng 3 năm 2011



Nguyễn Văn Hiện

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ**

Địa chỉ: Phường Bến Gót, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp giá trị tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.942.634.644	6.493.388.777
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		32.110.796.613	31.445.348.209
- Các khoản dự phòng	03		(135.607.100)	3.588.423
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(377.272.726)	(2.987.191.567)
- Chi phí lãi vay	06		37.097.546.341	22.222.571.209
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		79.638.097.772	57.177.705.051
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		55.870.526.347	(12.267.570.815)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(95.073.177.041)	14.720.983.845
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		23.239.380.192	(41.007.584.998)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.809.318.445	4.442.661.481
- Tiền lãi vay đã trả	13		(37.097.546.341)	(19.134.724.556)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.542.617.734)	(1.899.391.887)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		71.764.000	71.764.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(115.276.942)	(865.132.466)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>28.800.468.698</b>	<b>1.238.709.655</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(37.397.865.128)	(6.407.477.956)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		377.272.726	3.016.883.116
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(37.020.592.402)</b>	<b>(3.390.594.840)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Bến gót, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		382.917.712.855		304.967.678.050
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(366.397.792.519)		(301.521.072.493)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(351.924.000)		(351.924.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.700.000.000)		-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>11.467.996.336</i></u>		<u><i>3.094.681.557</i></u>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>3.247.872.632</b>		<b>942.796.372</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>3.118.683.699</b>		<b>2.175.410.385</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		476.942
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<u><b>6.366.556.331</b></u>		<u><b>3.118.683.699</b></u>

Lập ngày 25 tháng 3 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Minh Loan

Ngô Thị Thu Hương

Nguyễn Văn Hiện

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** :
  - Kinh doanh các sản phẩm bột giấy và giấy;
  - Kinh doanh và chế biến lâm sản;
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu bột giấy, giấy, vật tư và hóa chất, thiết bị phục vụ ngành giấy;
  - Sản xuất hòm hộp, đóng gói sản phẩm;
  - Kinh doanh vận tải;
  - In và các dịch vụ liên quan đến in.
- Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 676 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 682 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**  
Trong năm Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số lượng Cổ phần đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì là 830.000 cổ phần với giá bán là 10.000 đồng/cổ phiếu cho ông Nguyễn Thanh Sơn theo công văn số 15/CV-HĐQT ngày 09 tháng 09 năm 2010 của Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn và Nghị quyết số 232/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 09 năm 2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì. Theo đó Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn chính thức thôi là Cổ đông chiến lược của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì.

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm (đối với	Số năm (đ/v TSCĐ
	TSCĐ mua sắm mới)	đánh giá lại khi CPH)
Nhà cửa, vật kiến trúc		1 - 15
Máy móc và thiết bị	5-7	1 - 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6	1 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5	1 - 2

#### 6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính là 06 năm.

#### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 8. Chi phí trả trước dài hạn

##### Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Chi phí lãi vay phải trả Bộ Tài chính*

Chi phí lãi vay phải trả Bộ Tài chính là số lãi vay phát sinh từ số tiền nợ nước ngoài do Bộ Tài chính bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì (trước đây là Công ty Giấy Việt Trì) vay và đang được phân bổ dần vào chi phí trong kỳ theo thời hạn trả nợ. Đơn vị đã nhận nợ với Bộ Tài chính theo "Biên bản đối chiếu số liệu nợ nước ngoài của Công ty Giấy Việt Trì vay đầu tư dây chuyền sản xuất bao gói 25.000 tấn/năm" ngày 05 tháng 04 năm 2006. Tỷ giá được quy đổi khoản gốc và lãi vay bằng ngoại tệ thành đồng Việt Nam được tính tại thời điểm 31/12/2004 là 15.717 VND/USD.

### 9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### 10. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

### 11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty.

### 12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009: 17.941 VND/USD  
31/12/2010: 18.932 VND/USD

#### 14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán thành phẩm*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Địa chỉ: Đường Sóng Thao, Phường Bến Góc, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	27.565.885	240.613.987
Tiền gửi ngân hàng	6.338.990.446	2.878.069.712
<b>Cộng</b>	<b><u>6.366.556.331</u></b>	<b><u>3.118.683.699</u></b>

**2. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
CN Công ty CP bao bì Việt Nam-XN Bao bì Hùng Vương	1.066.709.066	751.525.872
CN Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	-	15.867.831.196
Công ty TNHH Bao bì Việt Thắng	1.685.787.909	2.562.180.689
Công ty Cổ phần Bao bì Xi măng Tam Điệp	1.356.943.705	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp TM Sông Đà	3.131.625.797	-
Công ty Cổ phần Diêm thống nhất - HN	990.095.642	1.203.147.107
Công ty Cổ phần Giấy Đại Việt	1.572.622.700	-
Công ty Cổ phần Ngọc Diệp	222.510.221	2.334.054.033
Công ty Cổ phần Tập đoàn Minh Tâm	172.930.700	1.155.387.080
Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hải Phòng	2.384.368.023	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hữu Nghị	997.260.350	-
Công ty TNHH & SX Bao bì Đoàn Kết	648.867.409	589.071.872
Công ty TNHH An Thịnh - HP	1.302.936.281	2.361.132.656
Công ty TNHH in Bao bì TM Vĩnh An	701.404.879	313.764.281
Công ty TNHH Đức Trung	883.567.565	1.196.447.654
Công ty TNHH Giấy Minh Cường Phát	403.156.470	863.885.084
Công ty TNHH Hoà bình	5.259.880.881	14.207.856.517
Công ty TNHH Hoa Việt	-	6.393.265.242
Công ty TNHH In và Bao bì Bảo Tiến	554.194.363	465.534.454
Công ty Cổ phần In và Bao bì Goldsun	1.393.178.766	1.976.586.581
Công ty TNHH Bao bì Phú hưng	1.803.514.748	1.396.830.578
Công ty TNHH Thanh Dũng	1.688.827.840	3.047.017.797
Công ty TNHH Trí Hường	1.281.587.053	136.005.748
Công ty TNHH SX TM Tân Thuận An	650.000.000	768.620.540
Công ty TNHH Bao bì Việt Hưng	-	2.424.144.465
DNTN Bao bì Minh Dũng	600.082.964	532.860.907
HTX In Minh khai	1.884.579.239	1.979.266.389
CN Công ty CP Bao bì VN-XN in & bao bì VPC	417.709.799	814.544.319
Các đối tượng khác	5.694.774.519	9.128.035.243
<b>Cộng</b>	<b><u>38.749.116.889</u></b>	<b><u>72.468.996.304</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Địa chỉ: Đường Sóng Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Tư vấn CN & TBKT TECOTEC	-	105.829.474
Công ty CP Xây Dựng Thịnh Hưng	-	280.000.000
Công ty CP Huy Hoàng	1.330.700.562	-
Công ty CP Vĩnh Thịnh	250.000.000	-
Công ty TNHH Cơ khí máy xeo giấy Tân vũ Đơn đồng Trung Quốc	-	26.632.583.569
các đối tượng khác	76.325.000	47.277.500
<b>Cộng</b>	<b><u>1.657.025.562</u></b>	<b><u>27.065.690.543</u></b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT TSCĐ thuế tài chính	20.647.563	50.447.687
Thuế TNCN phải thu	193.120.729	50.251.774
BHXH, BHYT nộp thừa	9.689.807	173.173.806
phải thu khác	-	2.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>223.458.099</u></b>	<b><u>275.873.267</u></b>

**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	135.607.100	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	135.607.100
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Giảm do xử lý công nợ	(135.607.100)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>135.607.100</u></b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	70.000.000	117.018.371
Nguyên liệu, vật liệu	198.847.841.105	125.216.993.432
Công cụ, dụng cụ	27.198.081	21.110.666
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.009.381.065	596.952.891
Thành phẩm	23.703.423.213	25.926.724.322
Hàng gửi đi bán	15.351.814.073	3.057.680.814
<b>Cộng</b>	<b><u>250.009.657.537</u></b>	<b><u>154.936.480.496</u></b>

**7. Tài sản ngắn hạn khác**

Là các khoản tạm ứng của nhân viên công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	63.392.202.169	478.578.202.173	13.757.600.790	274.658.291	556.002.663.423
Tăng trong năm	250.000.000	42.950.558.693	-	131.027.272	43.331.585.965
Mua sắm mới	250.000.000	1.089.089.269	-	131.027.272	1.470.116.541
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	41.861.469.424	-	-	41.861.469.424
Giảm trong năm do thanh lý TSCĐ	-	(467.496.864)	-	-	(467.496.864)
<b>Số cuối năm</b>	<b>63.642.202.169</b>	<b>521.061.264.002</b>	<b>13.757.600.790</b>	<b>405.685.563</b>	<b>598.866.752.524</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.508.556.468	8.656.203.178	898.539.884	218.426.473	21.281.726.003
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	37.092.445.885	185.121.140.922	5.371.480.567	220.503.977	227.805.571.351
Tăng do khấu hao trong năm	2.956.845.287	28.463.859.782	885.479.345	34.341.819	32.340.526.233
Giảm trong năm do thanh lý TSCĐ	-	(467.496.864)	-	-	(467.496.864)
<b>Số cuối năm</b>	<b>40.049.291.172</b>	<b>213.117.503.840</b>	<b>6.256.959.912</b>	<b>254.845.796</b>	<b>259.678.600.720</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	26.299.756.284	293.457.061.251	8.386.120.223	54.154.314	328.197.092.072
<b>Số cuối năm</b>	<b>23.592.910.997</b>	<b>307.943.760.162</b>	<b>7.500.640.878</b>	<b>150.839.767</b>	<b>339.188.151.804</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 51.852.578.985 VND và 43.035.531.434 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân Đội.

**9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Là phương tiện vận tải

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.426.603.484	454.443.221	972.160.263
Tăng trong năm do khấu hao	-	237.767.244	(237.767.244)
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.426.603.484</b>	<b>692.210.465</b>	<b>734.393.019</b>

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
XDCB dở dang	5.466.223.973	36.395.245.451	41.861.469.424	-
Đẩy truyền sản xuất giấy in viết công suất 20.000 tấn/năm	5.466.223.973	36.395.245.451	41.861.469.424	-
<b>Cộng</b>	<b>5.466.223.973</b>	<b>36.395.245.451</b>	<b>41.861.469.424</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí phát		Phân bổ vào chi	
	Số đầu năm	sinh trong năm	phí trong năm	Số cuối năm
Lãi vay phải trả Bộ Tài chính (*)	46.025.940.631	-	4.602.594.065	41.423.346.566
CCDC chờ phân bổ	91.724.380	-	91.724.380	-
<b>Cộng</b>	<b>46.117.665.011</b>	<b>-</b>	<b>4.694.318.445</b>	<b>41.423.346.566</b>

(\*): Lãi vay phải trả cho Quỹ tích lũy - Bộ Tài chính về khoản lãi Bộ Tài chính trả thay cho Daewoo tiền mua máy móc thiết bị. Lịch trả nợ cả gốc và lãi vay cho Bộ Tài chính bắt đầu từ ngày 20/05/2007 đến ngày 20/11/2019 (xem thêm thuyết minh V.18, V.20).

### 12. Tài sản dài hạn khác

Là khoản đặt cọc thuê tài chính xe Toyota với Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam.

### 13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>143.217.110.950</i>	<i>85.517.092.350</i>
- Ngân hàng Công Thương Nam Việt Trì	69.533.576.280	45.817.092.350
- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Phú Thọ	5.912.266.820	14.830.000.000
- Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội	67.771.267.850	24.870.000.000
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>4.136.717.000</i>	<i>3.914.829.000</i>
- Cán bộ công nhân viên	4.136.717.000	3.914.829.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21)</i>	<i>32.895.606.358</i>	<i>19.278.714.000</i>
- Bộ Tài chính	19.278.714.000	19.278.714.000
- Ngân hàng Công thương Nam Việt Trì	8.300.000.000	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	5.316.892.358	-
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	<i>207.979.800</i>	<i>351.924.000</i>
- Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam	207.979.800	351.924.000
<b>Cộng</b>	<b>180.457.414.108</b>	<b>109.062.559.350</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Số tiền vay		Tăng do kết		Số tiền vay đã	
	Số đầu năm	phát sinh trong năm	chuyển từ vay dài hạn	trả trong năm	Số cuối năm	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>85.517.092.350</i>	<i>369.140.161.940</i>	<i>-</i>	<i>311.440.143.340</i>	<i>143.217.110.950</i>	
- Ngân hàng Công thương Nam Việt Trì	45.817.092.350	190.549.385.830	-	166.832.901.900	69.533.576.280	
- Ngân hàng ĐT và Phát triển Phú Thọ	14.830.000.000	21.705.897.660	-	30.623.630.840	5.912.266.820	
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	24.870.000.000	156.884.878.450	-	113.983.610.600	67.771.267.850	
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.914.829.000</i>	<i>11.279.377.000</i>	<i>-</i>	<i>11.057.489.000</i>	<i>4.136.717.000</i>	
- Cán bộ công nhân viên	3.914.829.000	11.279.377.000	-	11.057.489.000	4.136.717.000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng do kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã	Số cuối năm
				trả trong năm	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>19.278.714.000</i>	-	32.895.606.358	19.278.714.000	32.895.606.358
- Bộ Tài chính	19.278.714.000	-	19.278.714.000	19.278.714.000	19.278.714.000
- Ngân hàng Công thương Nam Việt Trì	-	-	8.300.000.000	-	8.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	5.316.892.358	-	5.316.892.358
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	<i>351.924.000</i>	-	207.979.800	351.924.000	207.979.800
- Công ty cho thuê tài chính NHCT Việt Nam	351.924.000	-	207.979.800	351.924.000	207.979.800
<b>Cộng</b>	<b>109.062.559.350</b>	<b>380.419.538.940</b>	<b>33.103.586.158</b>	<b>342.128.270.340</b>	<b>180.457.414.108</b>

**14. Phải trả người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
CN Công ty CP Lương Thực & TM Phú Thọ	5.286.191.350	2.254.012.250
CN Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh	1.320.583.068	-
Công ty Cổ phần Hoàn Hảo	2.048.390.280	-
Công ty Cổ phần Hoàng Linh	10.305.230.293	5.435.084.716
Công ty Cổ phần SX Thương Mại PP	7.619.239.138	302.502.710
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải & TM Phú Thái	1.009.393.575	-
Công ty TNHH Hương Giang	10.906.485.391	2.852.183.503
Công ty TNHH Mai Anh	10.695.862.584	5.060.090.319
Công ty TNHH TMTH Hưng Thành	17.805.402.067	-
Công ty TNHH Hoá Chất Tân phú Cường	12.109.515.394	6.681.550.097
DNTN Tân Duy Ngọc	7.137.665.091	4.997.161.144
Tổng Công ty Giấy Việt nam	35.901.320.758	64.024.298.196
Các đối tượng khác	8.007.810.738	27.177.221.979
<b>Cộng</b>	<b>130.153.089.727</b>	<b>118.784.104.914</b>

**15. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hoa Việt	3.707.506.604	-
Công ty TNHH KOKUYO Việt Nam	387.000.000	-
Công ty TNHH Bao bì Việt Hưng-Hưng Yên	1.784.051.329	-
Công ty Cổ phần XNK Hoà An	-	170.221.125
Công ty TNHH CN Giấy Vinh Tiến Miền Trung	-	42.038.699
Công ty TNHH Dynapac Hà Nội	-	71.352.539
Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà	-	41.322.036
Các đối tượng khác	37.569.031	32.431.690
<b>Cộng</b>	<b>5.916.126.964</b>	<b>357.366.089</b>

23  
 NH  
 CÔNG  
 VIỆC  
 SÀN  
 TÀI  
 HỮU  
 ĐÀ

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	9.784.428.148	9.784.428.148	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	539.099.179	2.864.524.928	2.542.617.734	861.006.373
Thuế thu nhập cá nhân	50.444.317	197.809.452	52.133.040	196.120.729
Thuế nhà đất	999.000	623.369.000	624.368.000	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	22.795.524	-	22.795.524
<b>Cộng</b>	<b>590.542.496</b>	<b>13.495.927.052</b>	<b>13.006.546.922</b>	<b>1.079.922.626</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số IV.12

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.942.634.644	6.493.388.777
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	515.465.068	51.000.000
Các khoản điều chỉnh tăng	515.465.068	51.000.000
<i>Tiền phạt thuế</i>	122.517.882	-
<i>Phạt vi phạm môi trường</i>	20.000.000	-
<i>Xử lý công nợ khó đòi</i>	205.265.186	-
<i>Chi phí lãi vay vượt quy định</i>	125.682.000	-
<i>Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành</i>	42.000.000	51.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	11.458.099.712	6.544.388.777
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>2.864.524.928</b>	<b>1.636.097.194</b>
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2.864.524.928</b>	<b>1.636.097.194</b>

**Tiền thuế đất**Công ty phải nộp tiền thuế đất đối với diện tích 127.287 m<sup>2</sup> đất đang sử dụng với mức 7.700 VND/m<sup>2</sup>/năm theo quy định tại điều IV Hợp đồng thuê đất số 110 ngày 03 tháng 10 năm 2000 và biên bản làm việc ngày 02 tháng 04 năm 2010.**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	4.911.000	187.917.958
Trích trước tiền điện, nước sản xuất	831.427.929	404.291.978
Thù lao HĐQT 6 tháng cuối năm 2010	126.000.000	-
Trích trước tiền Hoa Hồng Công ty CP PP	61.955.434	-
Trích trước phí kiểm toán năm 2010	85.000.000	-
Phải trả tiền hàng cho CTCP Hoàn Hào	158.772.727	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.268.067.090</u></b>	<b><u>592.209.936</u></b>

**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh Phí công đoàn	343.641.937	256.641.937
Quỹ tự nguyện	126.213.788	112.310.788
Lãi vay phải trả Bộ Tài chính trong năm 2011	4.602.594.063	4.602.594.063
Phải trả Tổng Công ty Giấy Việt Nam	13.572.749.299	4.531.833.299
Tiền thuốc BHYT	4.920.209	10.872.200
Phải trả tiền các cá nhân nộp BHXH	-	44.292.689
Nhà trẻ Công ty	38.327.432	76.722.432
Thuế TNCN	192.543	5.100.000
Phải trả nhà ăn công nghiệp	-	25.381.900
Phải trả khác	187.847.737	129.785.957
<b>Cộng</b>	<b><u>18.876.487.008</u></b>	<b><u>9.795.535.265</u></b>

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	128.363.582	174.088.582
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Chi quỹ	(114.800.000)	(45.725.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>13.563.582</u></b>	<b><u>128.363.582</u></b>

**20. Phải trả dài hạn khác**

Là lãi vay phải trả Bộ Tài chính

*Chi tiết lịch trả nợ lãi vay phải trả Bộ Tài chính tại thời điểm cuối năm*

Ngày 20/5/2012	2.301.297.032
Ngày 20/11/2012	2.301.297.031
Ngày 20/5/2013	2.301.297.032
Ngày 20/11/2013	2.301.297.031
Ngày 20/5/2014	2.301.297.032
Ngày 20/11/2014	2.301.297.031
Ngày 20/5/2015	2.301.297.032
Ngày 20/11/2015	2.301.297.031
Ngày 20/5/2016	2.301.297.032
Ngày 20/11/2016	2.301.297.031
Ngày 20/5/2017	2.301.297.032
Ngày 20/11/2017	2.301.297.031
Ngày 20/5/2018	2.301.297.032

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Ngày 20/11/2018	2.301.297.031
Ngày 20/5/2019	2.301.297.032
Ngày 20/11/2019	2.301.297.032
<b>Cộng</b>	<b>36.820.752.506</b>

**21. Vay và nợ dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Vay dài hạn</i>	<b>85.352.151.749</b>	<b>107.429.316.371</b>
Ngân hàng Công thương Nam Việt Trì (a)	69.401.474.671	86.001.474.671
Ngân hàng TMCP Quân đội	15.950.677.078	21.427.841.700
<i>Nợ dài hạn</i>	<b>154.269.712.000</b>	<b>173.756.405.800</b>
Thuế tài chính Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam	40.000.000	247.979.800
Bộ Tài chính (b)	154.229.712.000	173.508.426.000
<i>Vay dài hạn cán bộ công nhân viên</i>	<b>2.893.000.000</b>	<b>16.556.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>242.514.863.749</b>	<b>297.741.722.171</b>

(a) Khoản vay Ngân hàng Công thương Nam Việt Trì theo hợp đồng tín dụng số 99.06.017/HĐTĐ (loại cho vay dài hạn theo dự án đầu tư) ngày 12/08/1999 để thanh toán tiền đặt cọc mua thiết bị theo hợp đồng số 01/VTDA ngày 15/04/1999 giữa Tổng Công ty Giấy Việt Nam và Tập đoàn Daewoo (Hàn Quốc), thanh toán giá trị xây lắp, kiến thiết cơ bản và chi phí khác của "Dự án đầu tư mới dây chuyền sản xuất giấy bao gói công nghiệp công suất 25.000 tấn/năm". Tổng số tiền cho vay là 140.409.000.000 đồng. Nguồn vốn cho vay bằng nguồn vốn tín dụng Nhà nước do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo, phần còn thiếu cho vay bằng nguồn vốn của Ngân hàng Công thương. Thời hạn cho vay là 10 năm trong đó có 2 năm ân hạn. Lãi suất cho vay bằng nguồn vốn tín dụng Nhà nước là 0,81%/tháng. Lãi suất cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Công thương là 1,05%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 150% mức lãi suất trong hạn ghi trên khế ước. Tại thời điểm vay, Doanh nghiệp Nhà nước chưa phải thế chấp tài sản để vay vốn theo Công văn 417/CV-NHNN ngày 31/05/1997.

(b) Là số tiền Bộ Tài chính bảo lãnh trả nợ Công ty Daewoo thay cho Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì (trước đây là Công ty Giấy Việt Trì - đơn vị thành viên Tổng Công ty Giấy Việt Nam). Số nợ này được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán của Bộ Tài chính tại thời điểm 31/12/2004 là 15.717 VND/USD và được trả trong vòng 15 năm từ năm 2005 đến năm 2019, trong đó có 2 năm ân hạn. Nợ gốc USD phải trả tại 31/12/2004 là 15.946.000 USD, tại 31/12/2009 là 4.556.000 USD.

**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn**

	<b>Tổng nợ</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>
Vay dài hạn ngân hàng	98.969.044.107	13.616.892.358	85.352.151.749	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.893.000.000	-	2.893.000.000	-
Nợ dài hạn bộ tài chính	173.508.426.000	19.278.714.000	77.114.856.000	77.114.856.000
Thuế tài chính	247.979.800	207.979.800	40.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>275.618.449.907</b>	<b>33.103.586.158</b>	<b>165.400.007.749</b>	<b>77.114.856.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm		Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	107.429.316.371	2.498.173.915	10.958.446.179	13.616.892.358	85.352.151.749	
- Ngân hàng Công thương Nam Việt Trì	86.001.474.671	-	8.300.000.000	8.300.000.000	69.401.474.671	
- Ngân hàng TMCP Quân đội	21.427.841.700	2.498.173.915	2.658.446.179	5.316.892.358	15.930.677.078	
Nợ dài hạn	173.756.405.800	-	-	19.486.693.800	154.269.712.000	
- Thuế tài chính Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam	247.979.800	-	-	207.979.800	40.000.000	
- Bộ Tài chính	173.508.426.000	-	-	19.278.714.000	154.229.712.000	
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	16.556.000.000	-	13.663.000.000	-	2.893.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>297.741.722.171</b>	<b>2.498.173.915</b>	<b>24.621.446.179</b>	<b>33.103.586.158</b>	<b>242.514.863.749</b>	

**22. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	307.718.262	82.284.012
Số trích lập bổ sung	520.617.402	453.799.550
Số đã chi	(83.624.700)	(228.365.300)
<b>Số cuối năm</b>	<b>744.710.964</b>	<b>307.718.262</b>

**23. Vốn chủ sở hữu****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	47.000.000.000	-	-	(25.867.722)	46.974.132.278
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	4.857.291.583	4.857.291.583
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(675.402.524)	-	-	(675.402.524)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>47.000.000.000</b>	<b>(675.402.524)</b>	<b>-</b>	<b>4.831.423.861</b>	<b>51.156.021.337</b>
Số dư đầu năm nay	47.000.000.000	(675.402.524)	-	4.831.423.861	51.156.021.337
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	8.078.109.716	8.078.109.716
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	131.423.861	(131.423.861)	-
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	(4.700.000.000)	(4.700.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	-	675.402.524	-	-	675.402.524
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>47.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>131.423.861</b>	<b>8.078.109.716</b>	<b>55.209.533.577</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vốn đầu tư của Nhà nước	13.630.000.000	13.630.000.000
Vốn góp của các cổ đông	33.370.000.000	33.370.000.000
<b>Cộng</b>	<b>47.000.000.000</b>	<b>47.000.000.000</b>

**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Trả cổ tức năm trước	4.700.000.000	1.201.150.000
Tạm ứng cổ tức	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.700.000.000</b>	<b>1.201.150.000</b>

**Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.700.000	4.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.700.000	4.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.700.000	4.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.700.000	4.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.700.000	4.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	724.015.813.499	577.935.386.405
- Doanh thu bán thành phẩm	721.814.572.002	576.588.401.877
- Doanh thu bán vật tư	1.762.427.703	326.776.042
- Doanh thu vận chuyển	377.908.848	8.713.656
- Doanh thu bán hàng nội bộ	60.904.946	1.011.494.830
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.219.120.272)	(6.363.384.518)
- Giảm giá hàng bán	-	(652.177.980)
- Hàng bán bị trả lại	(1.219.120.272)	(5.711.206.538)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>722.796.693.227</u></b>	<b><u>571.572.001.887</u></b>

*Trong đó:*

- Doanh thu thuần bán thành phẩm	720.595.451.730	570.225.017.359
- Doanh thu thuần bán vật tư	1.762.427.703	326.776.042
- Doanh thu thuần vận chuyển	377.908.848	8.713.656
- Doanh thu thuần bán hàng nội bộ	60.904.946	1.011.494.830

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	654.649.282.051	527.989.061.952
Giá vốn bán vật tư	1.600.052.363	1.002.798.490
<b>Cộng</b>	<b><u>656.249.334.414</u></b>	<b><u>528.991.860.442</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Là lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	37.097.546.341	22.222.571.209
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.152.275.618	177.729.191
<b>Cộng</b>	<b><u>38.249.821.959</u></b>	<b><u>22.400.300.400</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	-	319.464.465
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.264.607.417	961.996.562
Chi phí khấu hao tài sản cố định	876.186.015	699.953.503
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.217.639.004	6.648.221.935
<b>Cộng</b>	<b><u>10.358.432.436</u></b>	<b><u>8.629.636.465</u></b>

11/07/H  
SCTH  
CCTH

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.474.152.137	4.026.522.312
Chi phí vật liệu quản lý	727.889.173	583.921.778
Chi phí khấu hao TSCĐ	279.952.395	412.361.401
Thuế, phí và lệ phí	1.250.755.524	1.719.347.000
Chi phí dự phòng	(135.607.100)	135.607.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.828.074	989.277.726
Chi phí bằng tiền khác	2.312.629.280	783.363.297
<b>Cộng</b>	<b>7.926.599.483</b>	<b>8.650.400.614</b>

### 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ chuyển nhượng, thanh lý TSCĐ	377.272.726	3.016.883.116
Thanh lý phế liệu	593.720.450	329.046.626
Thu nhập từ bán cây xanh	-	105.238.095
Tiền điện bán cho lò gạch	109.447.849	136.432.972
Chênh lệch định lượng bán	-	5.641.264
Công nợ không phải trả	98.245.995	8.227.314
Thu nhập khác	12.424.806	7.402.516
<b>Cộng</b>	<b>1.191.111.826</b>	<b>3.608.871.903</b>

### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ chuyển nhượng, thanh lý	-	29.691.549
Tiền điện phân bổ cho lò gạch	49.287.727	42.919.520
Chênh lệch định lượng giấy bán	-	35.658.166
Lãi chậm nộp BHXH	-	15.732.016
Tiền phạt vi phạm môi trường	20.000.000	-
Nộp phạt thuế	122.517.882	-
Công nợ khó đòi	205.265.186	-
Chi phí khác	5.492.669	5.930.006
<b>Cộng</b>	<b>402.563.464</b>	<b>129.931.257</b>

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.078.109.716	4.857.291.583
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.078.109.716	4.857.291.583
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.700.000	4.700.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.719</b>	<b>1.033</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	893.716.300	482.158.700
Thù lao Hội đồng quản trị	270.000.000	138.000.000
Tiền thưởng	<u>261.884.800</u>	<u>137.171.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.425.601.100</u></b>	<b><u>757.329.700</u></b>

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	Cổ đồng sáng lập

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>TCT Giấy Việt Nam</b>		
Lãi vay phải trả Tổng Công ty	9.040.916.000	3.022.797.331
Bán giấy cho Tổng Công ty	6.472.780.852	2.902.677.700
Thuế GTGT bán giấy cho Tổng Công ty	647.278.085	174.401.210
Phải trả tiền mua hàng	1.360.983.181	-
Thuế GTGT đầu vào	136.098.318	-
Thanh toán tiền mua Nguyên vật liệu	(22.500.000.000)	-
Bù trừ công nợ	(7.120.058.937)	(3.077.078.910)
<b>TCT Giấy Việt Nam - CN Đà Nẵng</b>		
Bán giấy cho CN Đà Nẵng	4.347.228.500	1.797.834.350
Thuế GTGT hàng bán	434.722.850	125.844.132
Thu tiền hàng	(5.018.089.052)	(1.687.388.980)
Phí đại lý bán giấy	(55.440)	(96.360)
Bù trừ công nợ	55.440	96.360
<b>TCT Giấy Việt Nam - CN Hồ Chí Minh</b>		
Bán giấy cho CN TP.Hồ Chí Minh	43.020.717.180	45.695.198.332
Thuế GTGT hàng bán	4.302.071.718	2.625.292.015
Thu tiền hàng	(48.944.072.269)	(47.102.489.439)
Bù trừ công nợ	(14.246.547.825)	(7.956.520.173)
Mua nguyên vật liệu của CN TP.Hồ Chí Minh	12.072.099.850	23.796.181.180
Cước vận chuyển giấy phải trả	1.986.630.938	1.624.896.295
Hoa hồng đại lý phải trả	301.190.120	374.130.880
Thuế GTGT hàng mua	1.207.209.985	2.073.593.422
Thanh toán tiền mua hàng	-	(25.290.000.000)
Bù trừ công nợ	(14.246.547.825)	5.377.718.396

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>TCT Giấy Việt Nam - CN Đà Nẵng</b>		
Phải thu tiền bán giấy	-	236.193.142
<b>TCT Giấy Việt Nam - CN Hồ Chí Minh</b>		
Phải thu tiền bán giấy	-	15.867.831.196
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<u>-</u>	<u>16.104.024.338</u>
<b>TCT Giấy Việt Nam</b>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	35.901.320.758	64.024.298.196
Lãi vay phải trả	13.572.749.299	4.531.833.299
<b>TCT Giấy Việt Nam - CN Hồ Chí Minh</b>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	1.320.583.068	-
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<u>50.794.653.125</u>	<u>68.556.131.495</u>

**2. Chi phí lãi vay vốn hoá**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay riêng biệt	1.348.956.315	756.047.969
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay chung	-	-
<b>Tổng chi phí lãi vay vốn hoá</b>	<u>1.348.956.315</u>	<u>756.047.969</u>

<b>Tỷ lệ vốn hóa</b>	<b>3,51 %</b>	<b>3,29 %</b>
----------------------	---------------	---------------

**3. Thay đổi chính sách kế toán**

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

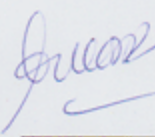
Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
 \_\_\_\_\_  
 Lê Thị Minh Loan

  
 \_\_\_\_\_  
 Ngô Thị Thu Hương

  
 \_\_\_\_\_  
 Nguyễn Văn Hiện
